

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ- ST

Ngày 29-7-2025.

Về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Mạnh Tiến;

2. Bà Ngô Thị Vân;

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Mai Loan - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 350/2025/TLST- HNGĐ ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thụ lý số 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Đình T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số F T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là số F T, phường T, tỉnh Ninh Bình). (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

- Bị đơn: Chị Vũ Thùy L, sinh năm 1990; nơi đăng ký HKTT: Số nhà A đường H, tổ T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Số nhà A đường H, tổ T, phường B, tỉnh Bắc Ninh). Hiện đang chấp hành án tại Đội số 7, phân trại số A, Trại giam T3, Cục C, Bộ C1; địa chỉ: Số A đường L, xã N, tỉnh Thanh Hóa. (*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai nguyên đơn là anh Bùi Đình T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thùy L kết hôn ngày 01/3/2021 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (phường T, tỉnh Ninh Bình). Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, vợ chồng lấy nhau tự nguyện, không bị ai ép buộc, khi cưới được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh sinh sống cùng gia đình anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi sinh con được một

khoảng thời gian ngắn thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế gia đình, cách nuôi dạy con cái, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khoảng tháng 11 năm 2021 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để sinh sống. Hai vợ chồng ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Từ khi ly thân, anh chị không hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Hiện nay chị L đang chấp hành án tại Đội số 7, phân trại số A, trại giam T4, cục C, Bộ C1 từ tháng 01/2025 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đến nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị L.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Phước T1, sinh ngày 10/5/2021, hiện cháu T1 đang ở với anh. Do chị L đang chấp hành án, không có điều kiện nuôi con chung. Đề nghị Tòa án giao anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Phước T1. Anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh có thu nhập đảm bảo đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở để nuôi dưỡng và chăm sóc tốt cho các con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Vũ Thùy L là bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời điểm chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn và con chung chị L trình bày như anh T đã trình bày. Chị L thừa nhận vợ chồng chị mâu thuẫn là do việc phát triển làm ăn kinh tế gia đình, do cách nuôi dạy con cái, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng chị đã ly thân từ khoảng cuối năm 2021. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị, chị không đồng ý vì chị có nguyện vọng việc gia đình chị sẽ tự giải quyết sau khi chị chấp hành án xong.

- Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh T và chị, chị L đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Bùi Phước T1, sinh ngày 10/5/2021 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 02/7/2025, ông Nguyễn Đức L1- tổ trưởng tổ dân phố T, phường B, tỉnh Bắc Ninh cung cấp:

Chị Vũ Thùy L, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà A, ngõ B đường H, tổ T, phường T, thành phố B (nay là số nhà A, ngõ B đường H, tổ T, phường B, tỉnh Bắc Ninh). Chị Vũ Thùy L và anh Bùi Đình T có đăng ký kết hôn khoảng năm 2021 tại thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình) là quê hương của anh Bùi Đình T. Anh T, chị L được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục địa phương. Sau một thời gian ngắn sinh sống cùng nhau, địa phương thấy anh T và chị L xảy ra mâu thuẫn nên chị L có về nhà mẹ đẻ ở, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Địa phương được biết hiện nay chị L đang chấp hành án tại trại giam T3 do phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nay anh T đề nghị được ly hôn với chị L, địa phương nhận thấy quan hệ hôn nhân của anh T và chị L khó đoàn tụ được, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Bùi

Phước T1, sinh 10/5/2021. Khi anh T, chị L ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2025, ông Bùi Đình Q, sinh năm 1964 (bố đẻ anh Bùi Đình T) và bà Bùi Thị Khánh D, sinh năm 1964 (mẹ đẻ anh Bùi Đình T) thống nhất trình bày:

Anh Bùi Đình T- con trai tôi và chị Vũ Thùy L được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 01/3/2021 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Khi kết hôn anh T và chị L được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị L về nhà tôi sinh sống cùng gia đình tôi ngay. Thời gian đầu vợ chồng anh T- chị L sống hòa thuận, hạnh phúc và có sinh được 01 con chung là cháu Bùi Phước T1, sinh 10/5/2021. Tôi thấy thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh T chung sống được bình thường khoảng vài năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo tôi được chứng kiến, được thấy là do nguyên nhân về kinh tế gia đình, cách nuôi dạy con cái, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ khoảng năm 2021 đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T trở lên rất trầm trọng, gia đình hai bên cũng đã khuyên giải rất nhiều nhưng không được. Khoảng tháng 11 năm 2021 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là phường B, tỉnh Bắc Ninh) để sinh sống, anh chị không liên lạc với nhau từ đó đến nay. Hiện nay chị L đang chấp hành án tại Đội số 7, phân trại số A, trại giam T4, cục C, Bộ C1 từ tháng 01/2025 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T- chị L đã rất trầm trọng, không thể hoà giải chung sống nên anh T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị L, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị L có 01 con chung là cháu Bùi Phước T1, sinh ngày 10/5/2021, hiện cháu T1 đang ở với anh T. Hiện nay chị L đang chấp hành án, không có điều kiện nuôi con chung. Nay ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Phước T1, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Gia đình tôi cũng sẽ hỗ trợ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 để các cháu được học hành, phát triển đầy đủ như các bạn cùng trang lứa.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn anh Bùi Đình T đề nghị không tiến hành hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn anh Bùi Đình T không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì, không có ý kiến gì đối với các tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập.

Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn chị Vũ Thùy L do xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Nguyên đơn anh Bùi Đình T và bị đơn chị Vũ Thùy L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T, chị L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014 ; Điều 28, điều 35, điều 39, điều 147, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Đình T được ly hôn với chị Vũ Thùy L.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Phước T1, sinh ngày 10/5/2021 cho anh Bùi Đình T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Bùi Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với chị Vũ Thùy L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường B, tỉnh Bắc Ninh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi, thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Bùi Đình T, bị đơn chị Vũ Thùy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu giải quyết cho ly hôn chị Vũ Thùy L của nguyên đơn anh Bùi Đình T:

[4.1.1] Về đăng ký kết hôn: Anh Bùi Đình T và chị Vũ Thùy L đăng ký kết hôn ngày 01/3/2021 (là thời điểm thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014), kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là UBND phường T, tỉnh Ninh Bình) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, là hôn nhân hợp pháp đúng với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.1.2] Về quá trình chung sống: Qua lời khai của anh T và chị L đều xác định anh chị có thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó vợ chồng anh T, chị L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ 2021. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, cách nuôi dạy con cái, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ cuối năm 2021. Anh chị sống ly thân nhau từ cuối năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn mối quan hệ về tình cảm và kinh tế. Hiện nay chị L đang chấp hành án tại Đội số 7, phân trại số A, trại giam T4, cục C, Bộ C1 từ tháng 01/2025 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[4.1.3] Tòa án tiến hành xác minh đối với cán bộ tổ trưởng tổ dân phố nơi chị L sinh sống trước khi chấp hành án, lấy lời khai của bố mẹ đẻ anh Bùi Đình T đều thể hiện vợ chồng anh T, chị L đã có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[4.1.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Đình T giải quyết cho anh T được ly hôn chị Vũ Thùy L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.2] Về yêu cầu giải quyết con chung của nguyên đơn anh Bùi Đình T: Vợ chồng anh T, chị L có 01 con chung là cháu Bùi Phước T1, sinh ngày 10/5/2021. Nay ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy:

[4.2.1] Hiện nay cháu Bùi Phước T1 đang sống cùng bố là anh T. Anh T có thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/ tháng, nơi ở ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hơn nữa chị L đang chấp hành án tại trại giam không có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tại bản tự khai chị L cũng trình bày nếu giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4.2.2] Do đó để đảm bảo cho con chung được phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất sau khi bố mẹ ly hôn, đồng thời đảm bảo quyền, nghĩa vụ của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của anh T về con chung, giao cháu Bùi Phước T1, sinh ngày 10/5/2021 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Bùi Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002863 ngày 03/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh đối với việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đình T được ly hôn chị Vũ Thùy L.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Đình T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Phước T1, sinh ngày 10/5/2021 đến khi cháu Bùi Phước T1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Bùi Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002863 ngày 03/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Đình T và chị Vũ Thùy L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1- Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 1- Bắc Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

